

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2024

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Ng, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: thôn TrL, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Hà Dương Th, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Chị Ng và anh Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Ng trình bày: Chị và anh Hà Dương Th sau thời gian tìm hiểu 06 tháng thì tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/03/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, không chia sẻ được với nhau, anh Th không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn, kinh tế vợ chồng không tập trung, anh Th thường xuyên rượu chè nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Do mâu thuẫn

nên vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh chị đã sống ly thân suốt từ năm 2014 cho đến nay. Chị đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại thôn TrL, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương từ đó cho đến nay. Thời gian chị ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, anh Th có đến tìm chị một lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt nên chị không về ở cùng nhà với anh Th nữa. Nay, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản lấy lời khai, anh Hà Dương Th trình bày: Chị Bùi Thị Ng và anh kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 03 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 và mâu thuẫn như chị Ng trình bày. Chị Ng không thông cảm được với anh, chê anh không làm ra tiền bạc, kinh tế nên vợ chồng gần hắt, coi thường nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng nặng nề, căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị Ng xin ly hôn với anh, anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của chị Ng trình bày: Chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào tháng 03 năm 2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không tập trung kinh tế, giữa hai người không có sự thống nhất về mọi mặt và không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hai người thiếu sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn gia đình luôn căng thẳng. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị Ng đã về ở nhờ nhà ông bà, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quan điểm của gia đình bà mong muốn anh chị về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh chị đã sống ly thân được 10 năm nay, chị Ng xin ly hôn anh Th, quan điểm của gia đình bà mong muốn anh chị hạnh phúc nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm đến nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Ng cho chị được ly hôn với anh Th. Vợ chồng có một con chung, hiện con chung đang ở với anh Th. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung vẫn ở với anh Th nên đề con chung ổn định nơi ăn chốn ở và thuận lợi cho con chung về mọi mặt nên bà đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với vợ chồng bà, anh chị không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Dương Thị N là mẹ đẻ của anh Hà Dương Th trình bày: Chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th kết hôn với nhau vào tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện Tứ Kỳ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tập trung kinh tế, thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau, không tìm được tiếng nói chung, không thống nhất về mọi mặt. Vợ chồng sống ly thân

suốt từ năm 2014 đến nay, chị Ng đã về nhà mẹ đẻ ở. Nay, chị Ng xin ly hôn anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Ng để hai bên ổn định cuộc sống. Về con chung, vợ chồng có một con chung là Hà Duy Ch, hiện do anh Th nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng, chị Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với vợ chồng bà, anh chị đều không có.

Về quan hệ con chung: Chị Ng và anh Th trình bày, vợ chồng anh chị có một con chung là Hà Duy Ch, sinh ngày: 17/01/2012. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung vẫn ở với anh Th. Để con chung ổn định nơi ăn chốn ở và thuận lợi cho con chung về mọi mặt, anh chị đều đề nghị Tòa án vẫn giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng. Con chung của anh chị bị khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (dạng khuyết tật: vận động; trí tuệ). Hàng tháng cháu Hà Duy Ch được hưởng trợ cấp xã hội với mức trợ cấp là 2,5 = 950.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/7/2021 theo Quyết định số: 8544/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện TK. Do bị khuyết tật bẩm sinh nên cháu Hà Duy Ch không thể đi học, không vận động, không nhận thức được. Chị Ng và anh Th đều đề nghị Tòa án giao con chung là Hà Duy Ch cho anh Hà Dương Th nuôi dưỡng. Anh Th yêu cầu và chị Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Dương Th số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2024 đến suốt đời để đảm bảo cho cháu Hà Duy Ch có cuộc sống ổn định và tốt đẹp nhất.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th trình bày anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HK thể hiện: Chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TK vào ngày 23/03/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, kinh tế không tập trung, không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau. Chị Ng đã về nhà mẹ đẻ từ 10 năm nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị Ng xin ly hôn anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Anh chị có một con chung, hiện đang ở với anh Th, đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có.

Chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Bùi Thị Ng được ly hôn anh Hà Dương Th. Về con chung: giao con chung Hà Duy Ch, sinh ngày: 17/01/2012 cho anh Hà Dương Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 10/2024 đến suốt đời. Buộc chị Bùi Thị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Dương Th số tiền là 2.205.000 đồng/tháng (*Hai triệu hai trăm linh năm ngàn đồng/tháng*), thời gian kể từ tháng 10/2024 đến suốt đời. Chị Bùi Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, anh Hà Dương Th có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Bùi Thị Ng thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì chị Ng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Ng phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000 đồng. Chị Ng còn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Ng và anh Th theo quy định tại Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/03/2011 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, kinh tế vợ chồng không tập trung, giữa hai người không có sự chia sẻ, thông cảm với nhau. Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân được 10 năm nay. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị Ng xin ly hôn và anh Th nhất trí ly hôn nhưng xin vắng mặt tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Bùi Thị Ng xin ly hôn anh Hà Dương Th phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th đều trình bày anh chị chỉ có một con chung là Hà Duy Ch, sinh ngày: 17/01/2012. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung vẫn ở với anh Th, anh chị đều đề nghị Tòa án vẫn giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng. Con chung của anh chị bị khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (dạng khuyết tật: vận động; trí tuệ). Hàng tháng cháu Hà Duy Ch được hưởng trợ cấp xã hội với mức trợ cấp là 2,5 = 950.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/7/2021 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện TK. Do bị khuyết tật bẩm sinh nên cháu Hà Duy Ch không thể đi học, không vận động, không nhận thức được. Anh chị đều đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Hà Dương Th nuôi dưỡng. Anh Th yêu cầu và chị Ng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Dương Th số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2024 đến suốt đời. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung của anh chị, căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Căn cứ vào Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu tháng tại vùng II huyện TK là 4.410.000 đồng: $2 = 2.205.000$ đồng/tháng. Con chung của anh chị là cháu Hà Duy Ch bị khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (dạng khuyết tật: vận động; trí tuệ) nên buộc chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Th suốt đời. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, sự thỏa thuận của chị Ng và anh Th về việc giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, đảm bảo cho cháu Hà Duy Ch được ổn định nơi ăn chốn ở và thuận lợi về mọi mặt nên chấp nhận sự thỏa thuận của chị Ng và anh Th về việc giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc anh Th đề nghị và chị Ng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con cho anh Th là 1.500.000 đồng/tháng thì chưa đảm bảo quyền lợi của con chung của anh chị nên Hội đồng xét xử buộc

chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Th với mức cấp dưỡng là 2.205.000 đồng/tháng như đã phân tích ở trên mới phù hợp pháp luật. Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: anh chị không có, chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Bùi Thị Ng xin ly hôn anh Hà Dương Th nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp. Chị Ng còn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Bùi Thị Ng được ly hôn anh Hà Dương Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hà Duy Ch, sinh ngày: 17/01/2012 cho anh Hà Dương Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 10/2024 đến suốt đời. Buộc chị Bùi Thị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Dương Th số tiền là 2.205.000 đồng/tháng (*Hai triệu hai trăm linh năm ngàn đồng/tháng*), thời gian kể từ tháng 10/2024 đến suốt đời.

Chị Bùi Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, anh Hà Dương Th có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Bùi Thị Ng thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì chị Ng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm

trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Ng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị Ng đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005681 ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK. Chị Bùi Thị Ng đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn. Chị Bùi Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị Ng và anh Hà Dương Th. Chị Ng và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- UBND xã HK, huyện TK;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh